

“I Am He”

By President Jeffrey R. Holland
Acting President of the Quorum of the Twelve Apostles

“Chính Ta Đây”

Bài của Chủ Tịch Jeffrey R. Holland
Quyền Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

October 2024 general conference

Christ's charity—evident in complete loyalty to divine will—persisted and continues to persist.

It is the Sabbath day, and we have gathered to speak of Christ and Him crucified. I know that my Redeemer lives.

Consider this scene from the last week of Jesus's mortal life. A multitude had gathered, including Roman soldiers armed with staves and strapped with swords. Led by officers from the chief priests who had torches in hand, this earnest company was not off to conquer a city. Tonight they were looking for only one man, a man not known to carry a weapon, receive military training, or engage in physical combat at any time in His entire life.

As the soldiers approached, Jesus, in an effort to protect His disciples, stepped forth and said, “Whom seek ye?” They replied, “Jesus of Nazareth.” Jesus said, “I am he. ... As soon ... as he had said unto them, I am he, they went backward, and fell to the ground.”

To me, that is one of the most stirring lines in all of scripture. Among other things, it tells me straightforwardly that just being in the presence of the Son of God—the great Jehovah of the Old Testament and Good Shepherd of the New, who bears no weapons of any kind—that just hearing the voice of this Refuge from the Storm, this Prince of Peace, is enough to send antagonists stumbling into retreat, piling them in a jumble, making the whole group wish they had been assigned kitchen duty that night.

Lòng bác ái của Đấng Ky Tô—là hiển nhiên qua lòng trung thành tuyệt đối với ý muốn của Thượng Đế—vẫn tồn tại và tiếp tục tồn tại.

Hôm nay là ngày Sa Bát, và chúng ta đã quy tụ lại để nói về Đấng Ky Tô và việc Ngài bị đóng đinh. Tôi biết rằng Đấng Cứu Chuộc của tôi hằng sống.

Hãy suy ngẫm về cảnh tượng này vào tuần lễ cuối cùng trong cuộc sống trần thế của Chúa Giê Su. Một đám đông đã tụ tập lại, kể cả những người lính La Mã được trang bị gậy và đeo gươm. Được dẫn đầu bởi các viên chức do các thầy tế lễ cả sai đến, với đuốc trong tay, đoàn người hăm hở này không đi xâm chiếm một thành nào cả. Mà tối nay, họ chỉ đi tìm một người, một người được biết là không mang vũ khí, không được huấn luyện quân sự, hoặc không từng tham gia trận chiến nào trong suốt cuộc đời của Ngài.

Khi những người lính tiến đến gần, Chúa Giê Su, trong nỗ lực bảo vệ các môn đồ của Ngài, đã bước ra và nói: “Các ngươi tìm ai?” Họ đáp: “Tìm Giê Su người Na Xa Rét.” Chúa Giê Su phán: “Chính ta đây. ... Vừa khi ... Ngài phán cùng họ, chính ta đây, thì họ bèn thối lui và té xuống đất.”

Đối với tôi, đó là một trong những câu gây ấn tượng nhất trong khắp thánh thư. Ngoài những điều khác, câu đó cho tôi hiểu rõ rằng chỉ cần ở trong sự hiện diện của Con Trai Thượng Đế—Đức Giê Hô Va vĩ đại của Kinh Cựu Ước và Đấng Chấn Hiển Lành của Kinh Tân Ước, là Đấng không mang bất cứ loại vũ khí nào—và rằng chỉ cần nghe tiếng nói của Núi Trú Ẩn Khỏi Bão Tố, Hoàng Tử Bình An, là đủ để khiến những kẻ địch luống cuống rút lui, té ngã lên nhau và làm cho cả nhóm ước gì họ được giao

Just a few days earlier, when He had entered the city triumphantly, “all the city was moved,” the scripture says, asking, “Who is this?” I can only imagine that “Who is this?” is the question those muddled soldiers were now asking!

The answer to that question could not have been in His looks, for Isaiah had prophesied some seven centuries earlier that “he hath no form nor comeliness; and when we shall see him, there is no beauty that we should desire him.” It certainly wasn’t in His polished wardrobe or His great personal wealth, of which He had neither. It could not be from any professional training in the local synagogues because we have no evidence that He ever studied at any of them, though even in His youth He could confound superbly prepared scribes and lawyers, astonishing them with His doctrine “as one having authority.”

From that teaching in the temple to His triumphant entry into Jerusalem and this final, unjustifiable arrest, Jesus was routinely placed in difficult, often devious situations in which He was always triumphant—victories for which we have no explanation except divine DNA.

Yet down through history many have simplified, even trivialized our image of Him and His witness of who He was. They have reduced His righteousness to mere prudishness, His justice to mere anger, His mercy to mere permissiveness. We must not be guilty of such simplistic versions of Him that conveniently ignore teachings we find uncomfortable. This “dumbing down” has been true even regarding His ultimate defining virtue, His love.

During His mortal mission, Jesus taught that there were two great commandments. They have been taught in this conference and will forever be taught: “Love the Lord thy God [and] love thy neighbour as thyself.” If we are to follow the Savior faithfully in these two crucial and inextricably linked rules, we ought to hold firmly to

cho nhiệm vụ nấu ăn vào đêm đó thay vì đi bắt Chúa.

Chỉ một vài ngày trước đó, khi Ngài tiến vào thành một cách vinh quang, thánh thư chép rằng: “cả thành đều xôn xao,” và hỏi: “Người này là ai?” Tôi chỉ có thể tưởng tượng rằng câu “Người này là ai?” là câu hỏi mà những người lính bị rối trí kia đang hỏi!

Câu trả lời cho câu hỏi đó không thể nằm ở vẻ bề ngoài của Ngài, vì Ê Sai đã tiên tri khoảng bảy thế kỷ trước đó rằng “Người chẳng có hình dung, chẳng có sự đẹp đẽ; khi chúng ta thấy người, không có sự tốt đẹp cho chúng ta ưa thích được.” Chắc chắn là câu trả lời không nằm ở bộ quần áo hào nhoáng hay tài sản cá nhân đồ sộ, bởi Ngài không hề có gì cả. Nó không thể đến từ bất cứ sự đào tạo chuyên nghiệp nào trong các giáo đường địa phương vì chúng ta không có bằng chứng nào cho thấy rằng Ngài từng học ở bất cứ giáo đường nào, mặc dù khi còn nhỏ, Ngài đã có thể làm bối rối các thầy thông giáo và luật gia được đào tạo kỹ lưỡng, khiến họ kinh ngạc với giáo lý của Ngài “như một người có thẩm quyền.”

Từ lời giảng dạy trong đền thờ cho đến cuộc tiến vào thành Giê Ru Sa Lem đầy vinh quang của Ngài và cuộc bắt giữ cuối cùng đầy vô lý này, Chúa Giê Su thường xuyên bị đặt vào những tình huống khó khăn, thường là đầy mưu mô nhưng Ngài luôn chiến thắng—những chiến thắng mà chúng ta không có lời giải thích nào ngoại trừ thiên tính của Ngài.

Tuy nhiên, trong suốt chiều dài lịch sử, nhiều người đã đơn giản hóa, thậm chí tầm thường hóa hình ảnh của Ngài và lời chứng của Ngài về Ngài là ai. Họ đã hạ thấp sự ngay chính của Ngài xuống chỉ còn là sự giả tạo, sự công bằng của Ngài chỉ còn là sự tức giận, lòng thương xót của Ngài chỉ còn là sự dễ dãi. Chúng ta không nên phạm lỗi vì những hình ảnh đơn giản như vậy về Ngài mà tùy tiện bỏ qua những lời dạy khiến chúng ta cảm thấy không thoải mái. Tình trạng “đơn giản hóa” này xảy ra ngay cả đối với đức hạnh quan trọng bậc nhất của Ngài, đó là tình yêu thương của Ngài.

Trong suốt sứ mệnh trần thế của Ngài, Chúa Giê Su đã dạy rằng có hai giáo lệnh lớn. Hai giáo lệnh lớn này đã được dạy trong đại hội này và sẽ được dạy mãi mãi: “Hãy yêu mến Chúa Thượng Đế của người [và] yêu kẻ lân cận như mình.” Nếu muốn noi theo Đấng Cứu Rỗi một cách thành tín trong hai nguyên tắc quan trọng và được liên

what He actually said. And what He actually said was, “If ye love me, keep my commandments.” On that same evening, He said we were to “love one another; as I have loved you.”

In those scriptures, those qualifying phrases defining true, Christlike love—sometimes referred to as charity—are absolutely essential.

What do they define? How did Jesus love?

First, He loved with “all [of His] heart, might, mind and strength,” giving Him the ability to heal the deepest pain and declare the hardest reality. In short, He is one who could administer grace and insist on truth at the same time. As Lehi said in his blessing to his son Jacob, “Redemption cometh in and through the Holy Messiah; for he is full of grace and truth.” His love allows an encouraging embrace when it is needed and a bitter cup when it has to be swallowed. So we try to love—with all of our heart, might, mind, and strength—because that is the way He loves us.

The second characteristic of Jesus’s divine charity was His obedience to every word that proceeded from God’s mouth, always aligning His will and behavior with that of His Heavenly Father.

When He arrived on the Western Hemisphere following His Resurrection, Christ said to the Nephites: “Behold, I am Jesus Christ. ... I have drunk out of that bitter cup which the Father hath given me, ... in the which I have suffered the will of the Father ... from the beginning.”

Of the myriad ways He could have introduced Himself, Jesus did so by declaring His obedience to the will of the Father—never mind that not long before in His hour of greatest need, this Only Begotten Son of God had felt totally abandoned by His Father. Christ’s charity—evident in complete loyalty to divine will—persisted and continues to persist, not just through the easy and comfortable days but especially through the darkest and most difficult ones.

Jesus was “a man of sorrows,” the scriptures

kết chặt chẽ này, thì chúng ta phải nắm vững điều Ngài đã thực sự phán. Và điều Ngài đã thực sự phán là: “Nếu các ngươi yêu mến ta thì giữ gìn các điều răn ta.” Cũng vào buổi tối đó, Ngài đã phán là: các ngươi phải “yêu nhau, như ta đã yêu các ngươi.”

Trong các câu thánh thư đó, những cụm từ bổ nghĩa cho tình yêu thương đích thực, giống như Đấng Ky Tô—đôi khi được gọi là lòng bác ái—là hoàn toàn cần thiết.

Các cụm từ này xác định điều gì? Chúa Giê Su Ky Tô đã yêu thương như thế nào?

Trước hết, Ngài đã yêu thương với “tất cả tấm lòng, năng lực, tâm trí và sức mạnh [của Ngài],” nhờ vậy Ngài mới có được khả năng chữa lành nỗi đau khổ cùng cực nhất và nói lên những lẽ thật khó chấp nhận nhất. Tóm lại, Ngài là Đấng có thể cùng một lúc ban cho ân điển và đòi hỏi lẽ thật. Như Lê Hi đã nói khi ban phước cho con trai mình là Gia Cốp: “Sự cứu chuộc sẽ đến trong và qua Đấng Mê Si Thánh; vì Ngài đầy ân điển và lẽ thật.” Tình yêu thương của Ngài cho phép một cái ôm khích lệ khi cần và một chén đắng khi phải uống. Vì vậy, chúng ta hãy cố gắng yêu thương—with tất cả tấm lòng, năng lực, tâm trí và sức mạnh của mình—vì đó là cách Ngài yêu thương chúng ta.

Đặc điểm thứ hai của lòng bác ái thiêng liêng của Chúa Giê Su là sự vâng phục của Ngài đối với mọi lời bởi miệng của Thượng Đế mà ra, luôn luôn làm cho ý muốn và hành vi của Ngài phù hợp với ý muốn của Cha Thiên Thượng.

Khi Ngài đến Tây Bán Cầu sau khi phục sinh, Đấng Ky Tô đã phán với dân Nê Phi: “Này, ta là Giê Su Ky Tô. ... Ta đã uống cạn chén đắng mà Đức Chúa Cha đã ban cho ta, ... và khi làm việc ấy là ta đã cam chịu theo ý muốn của Đức Chúa Cha ... từ lúc ban đầu.”

Trong vô số cách mà Ngài có thể tự giới thiệu, Chúa Giê Su đã chọn cách tuyên phán sự vâng phục của Ngài theo ý muốn của Đức Chúa Cha—cho dù không lâu trước đó, trong giờ phút tuyệt vọng nhất của Ngài, Con Độc Sinh của Thượng Đế đã cảm thấy bị Cha Ngài bỏ rơi hoàn toàn. Lòng bác ái của Đấng Ky Tô—là hiển nhiên qua lòng trung thành tuyệt đối với ý muốn của Thượng Đế—đã tồn tại và tiếp tục tồn tại, không chỉ trong những ngày dễ dàng và thoải mái mà đặc biệt còn trong những ngày đen tối và khó khăn nhất.

Thánh thư ghi chép rằng Chúa Giê Su “từng

say. He experienced sadness, fatigue, disappointment, and excruciating loneliness. In these and in all times, Jesus's love faileth not, and neither does His Father's. With such mature love—the kind that exemplifies, empowers, and imparts—ours will not fail either.

So, if sometimes the harder you try, the more difficult it seems to get; if, just as you try to work on your limitations and your shortcomings, you find someone or something determined to challenge your faith; if, as you labor devotedly, you still feel moments of fear wash over you, remember that it has been so for some of the most faithful and marvelous people in every era of time. Also remember that there is a force in the universe determined to oppose every good thing you try to do.

So, through abundance as well as poverty, through private acclaim as well as public criticism, through the divine elements of the Restoration as well as the human foibles that will inevitably be part of it, we stay the course with the true Church of Christ. Why? Because as with our Redeemer, we signed on for the whole term—not ending with the first short introductory quiz but through to the final exam. The joy in this is that the Headmaster gave us all open-book answers before the course began. Furthermore, we have a host of tutors who remind us of these answers at regular stops along the way. But of course, none of this works if we keep cutting class.

“Whom seek ye?” With all our hearts we answer, “Jesus of Nazareth.” When He says, “I am he,” we bow our knee and confess with our tongue that He is the living Christ, that He alone atoned for our sins, that He was carrying us even when we thought He had abandoned us. When we stand before Him and see the wounds in His hands and feet, we will begin to comprehend what it meant for Him to bear our sins and be acquainted with grief, to be completely obedient to the will of His Father—all out of pure love for us. To introduce others to faith, repentance, baptism, the gift of the Holy Ghost, and receiving our

trái sự buồn bực.” Ngài trải qua nỗi ưu phiền, sự mệt mỏi, nỗi thất vọng và cảnh cô đơn cùng cực. Trong những thời điểm này và trong mọi thời điểm, tình yêu thương của Chúa Giê Su, cũng như của Cha Ngài, chẳng hề hư mất. Với tình yêu thương trọn vẹn như vậy—loại tình yêu thương tiêu biểu, mang đến sức mạnh và được phổ biến—tình yêu thương của chúng ta cũng sẽ chẳng hề hư mất.

Vì vậy, nếu đôi khi anh chị em càng cố gắng, mà dường như lại càng gặp khó khăn hơn; nếu ngay khi vừa mới cố gắng khắc phục những giới hạn và khuyết điểm của mình, mà anh chị em lại thấy ai đó hoặc điều gì đó quyết tâm thách thức đức tin của mình; nếu anh chị em làm việc cật lực mà vẫn cảm thấy những giây phút sợ hãi ập đến mình, thì hãy nhớ rằng điều đó đã từng xảy ra với một số người vô cùng thành tín và tuyệt vời trong mọi thời đại. Cũng hãy nhớ rằng có một thế lực trong vũ trụ quyết tâm chống lại mọi điều tốt đẹp mà anh chị em cố gắng làm.

Vì vậy, trong hoàn cảnh sung túc cũng như nghèo khổ, trong lời khen ngợi cho riêng một cá nhân cũng như lời chỉ trích công khai, trong các yếu tố thiêng liêng của Sự Phục Hồi cũng như những nhược điểm của con người mà chắc chắn sẽ là một phần của Sự Phục Hồi đó, chúng ta vẫn cứ tiếp tục thành tín với Giáo Hội chân chính của Đấng Ky Tô. Tại sao? Bởi vì giống như Đấng Cứu Chuộc, chúng ta đã cam kết sẽ theo hết khóa học—chứ không phải kết thúc ở một bài kiểm tra đầu khóa ngắn ngủi, mà là phải kiên trì cho đến hết kỳ thi cuối khóa. Điều vui mừng ở đây là Vị Hiệu Trưởng đã cho tất cả chúng ta các câu trả lời có sẵn trong sách trước khi khóa học bắt đầu. Hơn nữa, chúng ta có rất nhiều gia sư thường xuyên nhắc lại những câu trả lời đó trong khi học. Nhưng dĩ nhiên, không có cách nào trong số này là hữu hiệu nếu chúng ta cứ trốn học.

“Các người tìm ai?” Chúng ta đồng lòng đáp: “Giê Su người Na Xa Rét.” Khi Ngài phán: “Chính ta đây,” thì chúng ta quỳ xuống và cất tiếng thừa nhận rằng Ngài là Đấng Ky Tô hằng sống, rằng chỉ mình Ngài đã chuộc tội lỗi của chúng ta, rằng Ngài đã mang vác chúng ta ngay cả khi chúng ta nghĩ rằng Ngài đã bỏ rơi chúng ta. Khi đứng trước Ngài và nhìn thấy những vết thương trên tay và chân Ngài, thì chúng ta sẽ bắt đầu thấu hiểu ý nghĩa của việc Ngài gánh tội lỗi của chúng ta và nhận lấy những sầu khổ, để hoàn toàn vâng phục ý muốn của Cha Ngài—tất cả đều là từ tình yêu thương thanh khiết dành cho

blessings in the house of the Lord—these are the fundamental “principles and ordinances” that ultimately reveal our love of God and neighbor and joyfully characterize the true Church of Christ.

Brothers and sisters, I testify that The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints is the vehicle God has provided for our exaltation. The gospel it teaches is true, and the priesthood legitimizing it is not derivative. I testify that Russell M. Nelson is a prophet of our God, as His predecessors were and as His successors will be. And one day that prophetic guidance will lead a generation to see our Messenger of Salvation descend like “lightning ... out of the east,” and we will exclaim, “Jesus of Nazareth.” With arms forever outstretched and love unfeigned, He will reply, “I am he.” I so promise with the apostolic power and authority of His holy name, even Jesus Christ, amen.

chúng ta. Để giới thiệu những người khác về đức tin, sự hối cải, phép báp têm, ân tứ Đức Thánh Linh, và tiếp nhận các phước lành của chúng ta trong nhà của Chúa—đây là các “nguyên tắc và giáo lễ” nền tảng, mà cuối cùng cho thấy tình yêu thương của chúng ta đối với Thượng Đế và người lân cận của chúng ta, và cũng hân hoan tiêu biểu cho Giáo Hội chân chính của Đấng Kỵ Tô.

Thưa anh chị em, tôi làm chứng rằng Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô là phương tiện mà Thượng Đế đã ban cho vì sự tôn cao của chúng ta. Phúc âm mà Giáo Hội giảng dạy là chân chính, và chức tư tế hợp pháp hóa phúc âm đó là trực tiếp từ Thượng Đế mà đến. Tôi làm chứng rằng Russell M. Nelson là vị tiên tri của Thượng Đế chúng ta, giống như những người tiền nhiệm cũng như những người kế nhiệm của ông. Và một ngày nào đó sự hướng dẫn của vị tiên tri sẽ dẫn dắt một thế hệ để nhìn thấy Vị Sứ Giả Cứu Rỗi của chúng ta giáng xuống như “chớp phát ... từ phương đông,” và chúng ta sẽ kêu lên: “Chúa Giê Su người Na Xa Rét.” Ngài sẽ đáp lại với đôi tay mãi mãi dang rộng và tình yêu thương chân thành: “Chính ta đây.” Tôi hứa như vậy với quyền năng và thẩm quyền của một sứ đồ trong thánh danh của Ngài, chính là Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men.